

Một số yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm về văn học của Lê Quý Đôn

Vũ Thị Thanh*

Nhận ngày 30 tháng 7 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 10 năm 2022.

Tóm tắt: Lê Quý Đôn là nhà bác học kiệt xuất của Việt Nam thời trung đại. Cuộc đời và sự nghiệp của ông để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Bên cạnh vai trò là nhà chính trị, ông được biết đến nhiều với vai trò là người sáng tác và biên soạn sách. Những tác phẩm của ông trải dài trên mọi lĩnh vực từ tự nhiên đến xã hội, trong đó văn học là một phần không thể thiếu. Trong sự nghiệp của mình, ông đã nhiều lần đưa ra những ý kiến, những quan niệm và bàn luận về văn chương cũng như sứ mệnh của người viết văn, làm thơ. Bài viết khái quát những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp cũng như quan niệm văn học của Lê Quý Đôn; đặc biệt là tìm hiểu những yếu tố lớn ảnh hưởng đến quan niệm về văn học của ông.

Từ khóa: Văn học trung đại, quan niệm văn học, Lê Quý Đôn.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: Lê Quý Đôn was an outstanding scientist of Vietnam in the medieval period. His life and career left a strong mark in Vietnam's feudal history. Besides being a politician, he is well known for being a writer and editor of books. His works span all fields from nature to society, of which literature is an integral part. During his career, he gave a number of opinions, concepts and discussions about literature as well as the mission of writers and poets. The article summarizes the main features of Lê Quý Đôn's life, career as well as literary concepts, especially it aims to find out the major factors affecting his conception of literature.

Keywords: Medieval literature, literary conception, Lê Quý Đôn.

Subject classification: Literature

1. Đặt vấn đề

Văn học trung đại Việt Nam thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX là một giai đoạn văn học đặc biệt với sự xuất hiện của hàng loạt tên tuổi lớn và cùng nhiều tác phẩm có giá trị. Bước sang thời kỳ này, các nhà nho bên cạnh việc sáng tác đã bắt đầu quan tâm đặc biệt tới học thuật văn chương. Nổi bật trong số đó là Lê Quý Đôn - người xuất hiện với tư cách là một nhà bác học lớn, một cuốn "bách khoa thư", niềm tự hào của cả dân tộc. Là một trí thức lớn của thế kỷ XVIII, được coi là nhà bác học, tập đại thành tri thức của thời phong kiến Việt Nam, Lê Quý Đôn đã thu hút sự chú ý, nghiên cứu của rất nhiều học giả cùng thời và hậu thế. Trong kho tàng phong phú và đồ sộ những trước tác của Lê Quý Đôn, văn chương là một mảng sinh động, hấp dẫn mà ông để lại, nó làm phong phú và toàn diện hơn tài năng của nhà bác học lớn này.

Nghiên cứu quan niệm của Lê Quý Đôn về văn học đã được đề cập đến ở các bài viết của một số học giả trong Hội thảo "*Lê Quý Đôn nhà bác học Việt Nam thế kỷ XVIII*" do tỉnh Thái Bình tổ chức vào năm 1976. Trong đó, tiêu biểu là bài viết "Thực tiễn sáng tác và những quan niệm thời đại, những quan niệm văn học của Lê Quý Đôn" của Nguyễn Lộc và Trần Nho Thìn. Ngoài ra, còn phải kể đến công trình "*Lê Quý Đôn trên tiến trình ý thức văn học dân tộc*" của Đinh Thị Minh Hằng,

* Trường Đại học Thái Bình.

Email: thanhton2511@gmail.com

và gần đây nhất là chuyên luận “*Quan niệm văn chương cổ Việt Nam*” của Phạm Quang Trung. Những nghiên cứu này đã đề cập tương đối đầy đủ quan niệm của Lê Quý Đôn về văn chương từ phương diện bản chất của văn chương cho tới vai trò của người cầm bút và ý thức về nền văn hiến dân tộc. Tuy nhiên, về sự hình thành và những yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm văn học của Lê Quý Đôn cần được nghiên cứu sâu và đầy đủ hơn. Bài viết góp phần nêu bật tài năng toàn diện của Lê Quý Đôn và làm sáng tỏ một giai đoạn văn học dân tộc có nhiều biến động. Chúng tôi kế thừa những tài liệu nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp nhà bác học Lê Quý Đôn của các học giả cả trong và ngoài nước, đồng thời bổ sung những điểm mới bằng việc chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm văn học của Lê Quý Đôn.

2. Lê Quý Đôn - cuộc đời và sự nghiệp

Lê Quý Đôn, tên thuở nhỏ là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh ngày 05 tháng 7 năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Thái thứ 7 (tức ngày 02 tháng 8 năm 1726) trong một gia đình khoa bảng thời Lê - Trịnh. Thân phụ là Tiến sĩ Lê Phú Thứ (1691-1781), sau đổi là Lê Trọng Thứ, hiệu Trúc Am, quê làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ (nay thuộc thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Thân mẫu là bà Trương Thị Ích, con gái của Tiến sĩ Hoàng Phái hầu Trương Minh Lượng (1636-1712), người xã Nguyễn Xá, huyện Duy Tiên, trấn Sơn Nam (nay thuộc xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) (Lê Quý Đôn, 2019, tr.17).

Lê Quý Đôn vốn thông minh từ nhỏ, lại được cha đích thân rèn cặp, nên trong khoảng thời gian học ở nhà, ông đã có thể nắm được những kiến thức cơ bản đối với sĩ tử thời đó. Đến khi trưởng thành, Lê Quý Đôn có một quan lộ tương đối thuận lợi và bằng phẳng. Cuộc đời làm quan của ông 32 năm nhưng đã lần lượt trải qua 20 lần thay đổi chức vụ, lại có thời gian đi sứ Trung Quốc (đây là điều kiện giúp ông có nhiều cơ hội tiếp xúc thực tiễn xã hội để thu thập các tri thức cần thiết). Cũng chính việc phải thay đổi công việc nhiều lần đòi hỏi ông phải học hỏi, tìm hiểu nhiều lĩnh vực để thích ứng và giải quyết công việc mới. Ông không chỉ là một vị quan trong triều mà còn là một học giả. Ông được biết đến với những cống hiến trong nhiều lĩnh vực khoa học, như: triết học, luật học, xã hội học, sử học, dân tộc học, thiên văn học, nông học, từ điển học... Ở lĩnh vực nào ông cũng để lại những dấu ấn đậm nét, những đóng góp to lớn và bền vững cùng thời gian. Sự nghiệp chính trị và sự nghiệp khoa học của Lê Quý Đôn song hành và hỗ trợ nhau nhưng với hoàn cảnh thực tế của xã hội lúc đó, sự nghiệp khoa học của ông thực sự nổi trội và đạt nhiều thành tựu đáng tự hào. Nếu tính từ khi đỗ khoa thi hương đầu tiên, ông có 42 năm đọc sách và viết sách. Với khối lượng tri thức thu thập được, với những trước tác biên soạn, ông đã đạt tới đỉnh cao trí tuệ thời bấy giờ. Hành trạng của Lê Quý Đôn cho thấy, ông là người đặc biệt năng động, đi nhiều, đọc nhiều và viết nhiều. Chính sự năng động đó đã giúp ông tiếp cận được với nhiều kiến thức mới để qua đó tích lũy và sáng tạo. Tri thức trong sách vở và kinh nghiệm phong phú của cuộc sống mà ông tích lũy được trong 58 năm cuộc đời, học tập và làm việc đã giúp ông trở thành “nhà bác học lỗi lạc của Việt Nam thời phong kiến”. Có thể nói, nhiều tri thức cao nhất ở thế kỷ XVIII được bao quát vào trong các tác phẩm của Lê Quý Đôn. Tác phẩm của ông như tấm bia lớn đánh dấu thành tựu văn hóa của cả một thời đại với tất cả những ưu, nhược điểm của nó.

Nhận xét tổng quát về Lê Quý Đôn, nhà sử học Phan Huy Chú viết: “Ông là người học vấn rộng khắp, đặt bút thành văn. Cốt cách thơ trong sáng. Lời văn hồn nhiên... không cần suy nghĩ mà trôi chảy dồi dào như sông dài biển cả, không chỗ nào không đạt tới, thật là phong cách đại gia” (Phan Huy Chú, 2014, tr.259). Giáo sư sử học Văn Tân trong Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 250 năm ngày sinh Lê Quý Đôn đã từng nhận xét: “Lê Quý Đôn đã nắm được tất cả các tri thức mà con người Việt Nam hồi thế kỷ XVIII có thể có được. Có thể nói, Lê Quý Đôn là cái tủ sách tổng hợp biết nói của nước Việt Nam hồi thế kỷ XVIII. Trên thì thiên văn, dưới thì địa lý, giữa là con người, không gì Lê Quý Đôn không biết. Hiểu biết của ông rất rộng, lại rất sâu” (Văn Tân, 1976, tr.259).

3. Quan niệm về văn học và những yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm về văn học của Lê Quý Đôn

3.1. Quan niệm của Lê Quý Đôn về văn học

Lê Quý Đôn xuất thân từ “cửa Khổng sân Trình”, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo và những học thuyết của Nho gia. Ông thấm nhuần những bài học, những phương thức, cách thức thi cử chốn trường ốc. Vì vậy, với ông, sách vở, văn chương của người xưa đã có ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm, cách thức sáng tác, cách làm việc của ông.

Dựa theo những lời bàn luận, đánh giá của Lê Quý Đôn có thể thấy, với ông, “văn” bao gồm toàn bộ những sách vở, sáng tác do con người tạo ra. Trong lời tựa của *Văn đài loại ngữ* ông viết: “Lễ nhạc, pháp độ là văn của người” (Lê Quý Đôn, 2009, tr.16), trong điều 3 - *Văn nghệ* ông lại nói: “Dạy lục nghệ thì văn võ kiêm toàn” (Lê Quý Đôn, 2009, tr.183).

Trong lĩnh vực văn chương, Lê Quý Đôn vừa là người sáng tác, vừa là người sưu tầm và biên soạn những bộ sách có giá trị. Ông được coi là người đặt nền móng và là nhà lý luận văn học đầu tiên thời trung đại. Những quan niệm của ông về văn học tuy chưa được phát biểu trực tiếp thành hệ thống nhưng trong quá trình sáng tác và biên soạn sách của mình ông đã bước đầu đề cập đến.

Lê Quý Đôn luôn đặt mục đích, giá trị của văn chương trong quan hệ chặt chẽ với con người và cuộc đời. Theo ông, “văn chương là gốc lớn của sự lập thân là việc lớn của đạo xử trị” (Lê Quý Đôn, 2010, tr.178). Văn chương là tinh hoa của một nước, nước có thánh quân thì văn nhân tự hội. Ông phê phán văn chương bát cổ, phù hoa, cho rằng thứ văn ấy chỉ phù hợp với ai quay lưng lại với thực tế. Cũng theo Lê Quý Đôn, “học, tri, ngôn” bao giờ cũng phải dẫn tới “hành”. Ông phê phán thái độ học suông, nói suông. Ông chỉ trích những kẻ miệng thì nói lau lấu mà rút cục đến khi làm thì mờ mờ, mịt mịt, không có mấu chốt, không biết đem ra thực dùng. Trong mục *Văn nghệ* của *Văn đài loại ngữ* ông viết: “Lã Cư Nhân nói: học giả nên làm văn hữu dụng, không nên nói suông” (Lê Quý Đôn, 2010, tr.197).

Ý thức sâu xa về vai trò, giá trị thực tế của văn chương đối với đời sống và con người đã khiến Lê Quý Đôn luôn quan tâm tới đào tạo và tuyển chọn nhân tài. Theo ông, việc kén chọn nhân tài không có con đường nào khác ngoài thi cử, cho nên phải mượn con đường này để thu hút người tài và người dưới cũng mượn con đường này mà tiến thân. Từ đó ông cũng đưa ra kiến nghị: khoa cử cần bớt đi những thứ rườm rà, lý thuyết để sĩ tử có thể tập trung vào những vấn đề trọng tâm, liên quan trực tiếp tới đời sống con người, học không chỉ là biết tích lũy kiến thức mà còn là biết vận dụng vào đời sống. Như vậy, có thể thấy, Lê Quý Đôn rất coi trọng giá trị thực chất của văn chương. Ông cũng nhấn mạnh rằng, văn chương ngoài có ích cho con người và cuộc đời thì còn cần có ích với dân tộc và đất nước. Từ việc đề cao văn chương trong việc “lập thân”, “sửa đời” tới việc đề cao văn chương trong sự nghiệp cứu nước, tôn vinh đất nước, và đây cũng là một hướng đi hợp với quy luật phát triển tự nhiên của xã hội, lịch sử.

Lê Quý Đôn luôn nhất quán trong việc gắn văn học với dân tộc. Ông xem văn chương như một thứ vũ khí lợi hại lúc đánh giặc cứu nước, đồng thời coi văn chương như một phương tiện hữu hiệu làm hiển danh cho đất nước. Ông luôn đòi hỏi tinh thần đấu tranh khôn khéo, không mệt mỏi, không khoan nhượng nhằm bảo tồn và phát huy vốn văn chương, văn hóa của dân tộc mình. Tự ông đã trở thành tấm gương cho các thế hệ sau noi theo. Ý thức về nền văn chương dân tộc ở Lê Quý Đôn bắt nguồn sâu xa từ lòng tự tôn, tự hào dân tộc. Trong cuộc đời làm quan của mình, ông đã có dịp đặt chân ra ngoài biên giới quốc gia. Khi đi sứ sang Trung Quốc, ở đâu, làm gì trên đất người, ông cũng đều hướng về quê hương xứ sở nước Việt. Ông tự hào chép lại các sách vở của nước người có nội dung ca tụng khi viết về nước mình như: *Phiên Ngung tạp ký* của Trịnh Hùng đời Đường, hay sách của Chử Gia Hiên đời Thanh. Từ ý thức dân tộc bền vững và sâu sắc ấy,

Lê Quý Đôn nhìn lại lịch sử văn chương dân tộc và tự hào nhận thấy giai đoạn nào cũng phát đạt, hưng thịnh. Trong “Kiến văn tiểu lục” mục “Phong vực”, ông ghi chép lại những câu chuyện kể, những tài liệu về nghệ thuật dân gian tại các vùng miền mà ông đặt chân đến.

Đối với nội dung và hình thức của văn chương, ông cho rằng văn chương nên chú trọng nhiều về nội dung, nội dung nên bắt nguồn từ thực tế cuộc sống. Nhưng hình thức cũng cần trang nhã, đẹp đẽ.

Đối với người viết văn, ông cho rằng người cũng giống như văn, người có đức hạnh ra sao, học vấn thế nào cũng đều thể hiện vào trong văn. Vì vậy, người cầm bút phải là người học rộng, hiểu nhiều, chăm chỉ, cần mẫn trong sáng tác và nghiên cứu học thuật. Nhắc lại lời người xưa ông nói: “Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có được núi sông kỳ lạ của thiên nhiên thì chưa chắc đã viết văn được” (Lê Quý Đôn, 2010, tr.202).

Như vậy, có thể thấy quan niệm về văn học của Lê Quý Đôn dù có khoảng cách nhất định với chúng ta ngày nay nhưng đã tương đối rõ nét và tiến bộ so với thời đại của ông. Cũng từ quan niệm này mà các sáng tác cũng như các công trình học thuật của ông đều đạt được thành tựu lớn và có giá trị lâu bền trong lịch sử văn học dân tộc.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm về văn học của Lê Quý Đôn

3.2.1. Tư tưởng và học thuật Trung Hoa

Văn minh cổ Trung Hoa là một trong ba nền văn minh lớn của nhân loại thời cổ đại, có ảnh hưởng đến các nước xung quanh như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... Trong số các nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa thì nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc và kéo dài. Những ảnh hưởng của tư tưởng và học thuật Trung Hoa được truyền vào Việt Nam cùng với quá trình xâm lược của phong kiến phương Bắc. Sự truyền bá, tiếp nhận và ảnh hưởng của Nho giáo ở Việt Nam gắn bó chặt chẽ với giáo dục và khoa cử. Mục tiêu chính của nền giáo dục Nho học ở Việt Nam là thực hiện lí tưởng Nho giáo, đào tạo những người biết tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, đào tạo những người ra làm quan, tham gia vào bộ máy chính trị đương thời. Cũng từ những ảnh hưởng đó của tư tưởng Nho giáo và sự thống trị của tư tưởng này suốt chiều dài lịch sử trung đại mà các nhà Nho, những người theo học đạo Thánh hiền đã xây dựng lên một hệ thống các quan niệm, quy tắc, luật lệ tương đối chặt chẽ và bền vững và những tư tưởng này cũng ảnh hưởng sâu sắc đến xã hội Việt Nam suốt thời trung đại. Tất nhiên, khi du nhập vào Việt Nam, tư tưởng Nho giáo Trung Hoa cũng đã có sự biến đổi phù hợp nhằm thích ứng với đời sống của cộng đồng người Việt. Lê Quý Đôn vốn được coi là “nhà nho cự phách” của Việt Nam, ông đã tiếp nhận và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nho giáo. Suốt cuộc đời mình, ông luôn đề cao những triết lí, quan điểm của Nho giáo. Trong *Vân đài loại ngữ*, ông khẳng định: “Văn chương là cái gốc lớn của sự lập thân, là việc lớn của sự kinh thế” (Lê Quý Đôn, 1961, tr.235). Quan niệm này đã chi phối rất nhiều đến cuộc đời cầm bút của ông.

Văn chương của Lê Quý Đôn còn chịu ảnh hưởng rất lớn của văn chương và học thuật Trung Hoa cả về đề tài và thể loại. Từ đề tài hướng đến sự cao nhã, sang trọng, tập trung vào những hình tượng như: tùng, cúc, trúc, mai, đáng trọng phu, người quân tử... đến các thể loại cổ văn điển mẫu, chặt chẽ về niêm luật, như: vận văn, biên văn, hịch, phú, cáo, chiếu, biểu. Điển hình là tác phẩm *Quế Đường thi tập* với khoảng hơn 500 bài thơ của ông, trong đó xuất hiện nhiều đề tài và thể loại quen thuộc như: Tảo mai, Mai ngự sử, Tả tùng hoặc những bài thơ vịnh cảnh trong *Tiêu tương bách vịnh*. Học thuật Trung Hoa còn ảnh hưởng tới ông trong quá trình biên soạn những bộ hợp tuyển, đặc biệt là những công trình tuyển chọn văn thơ, tiêu biểu là *Toàn Việt thi lục*. Trong bộ hợp tuyển thi văn được coi là đồ sộ nhất thời trung đại này, ông đã sử dụng phương pháp làm việc

đó là “Lục” - thủ pháp coi trọng tính chính xác, nghiêm túc, ví như tinh thần thực lục của nhà chép sử, đây là một thủ pháp bắt nguồn từ Trung Quốc. Không chỉ trong *Toàn Việt thi lục*, ông còn sử dụng thủ pháp này cho rất nhiều công trình khác, như: *Kiến văn tiêu lục*, *Phủ biên tạp lục*, *Thánh mô hiền phạm lục*, *Bắc sử thông lục*...

Như vậy, tư tưởng và học thuật Trung Hoa đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Lê Quý Đôn trong quá trình sáng tác và sưu tầm, biên soạn văn học. Từ nền tảng tư tưởng và học thuật này, cùng với sự thông minh thiên bẩm và một tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, ông đã để lại một di sản văn học vô cùng giá trị cho thế hệ mai sau.

3.2.2. Xã hội phong kiến Việt Nam thế kỷ XVIII

Thế kỷ XVIII là giai đoạn chế độ phong kiến Việt Nam rơi vào khủng hoảng triền miên. Nội chiến giữa nhà Lê và nhà Mạc (1533-1592), sự tranh giành quyền lực giữa chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1627-1672), đã chia cắt đất nước thành từng vùng, nhấn chìm đất nước trong đói nghèo, trì trệ. Nhưng đây cũng được coi là thời kỳ phát triển rực rỡ của văn hóa và văn học dân tộc. Từ giữa thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, trong giới nho sĩ Đàng Ngoài đã bắt đầu diễn ra một công cuộc cải cách xã hội được gọi là “Phong trào thực học”. Phong trào được khởi xướng bởi một số nhà nho cấp tiến, tiêu biểu là Vũ Công Đạo (1629-1714), Vũ Thạnh (1664-?), Nguyễn Tông Quai (1692-1767), Lê Quý Đôn (1726-1784), Bùi Huy Bích (1744-1818), Phan Huy Chú (1782-1840)... Công cuộc cải cách cũng nhận được sự đồng tình của một vài chúa Trịnh, tạo nên một dấu ấn xã hội rộng lớn. Các nhà cải cách đã tập trung vào việc cách tân nền Nho học đang sa sút, cách tân pháp luật... trong đó, thành công hơn là cải cách văn chương. Văn học đã gắn bó với cuộc đời hơn, chi tiết hơn, lấy thực tại làm đối tượng phản ánh.

Văn học thế kỷ XVIII có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học dân tộc, là giai đoạn phát triển rực rỡ, kết tinh thành tựu của 8 thế kỷ của văn học Việt Nam trung đại. Đây là sự tổng hợp các giá trị nghệ thuật của văn học Việt Nam trung đại trên nhiều phương diện. Tất cả các thể loại văn học đến giai đoạn này đều phát triển đến đỉnh cao, hình thành những thể loại được coi như thuần túy dân tộc, xuất hiện những tác giả, tác phẩm lớn trong lịch sử văn học. Đây cũng là một trong hai giai đoạn có nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc nhất, phát triển nhất và là thời điểm đầu tiên xuất hiện chủ nghĩa nhân đạo trong văn học Việt Nam (thời điểm thứ hai là giai đoạn 1930-1945). Văn học đã góp phần phản ánh những sự kiện lớn lao của đất nước và động chạm đến những vấn đề sâu sắc của thân phận con người.

Sống trong thời đại có nhiều biến động, bản thân lại là một vị quan lớn trong triều, Lê Quý Đôn là người thấu hiểu bản chất của xã hội phong kiến đương thời. Bản thân là người học rộng, hiểu nhiều, ông thấy không chỉ trông chờ và đặt niềm tin tuyệt đối vào những giáo lý có trong sách vở mà quan trọng hơn là mỗi người phải tự tích lũy cho mình vốn sống và kinh nghiệm từ thực tiễn. Cũng chính từ nhận thức này mà trong sáng tác của mình, ông luôn luôn đề cao giá trị thực tiễn của tác phẩm, luôn đòi hỏi những người cầm bút phải gắn nội dung tác phẩm với thực tiễn cuộc sống, tránh những lời nói suông, những hời hợt.

Trong mục “Văn nghệ” của sách *Văn Đài loại ngữ* ông viết: “Theo tôi thơ có ba phần chủ yếu là tình, cảnh, việc. Thơ là tiếng sáo trời khi vang ở bên trong. Tình cảm rung động tâm hồn, đầy mắt tiếp xúc với ngoại cảnh. Quang cảnh hòa hợp với ý chí thật là nhuần nhuyễn. Người làm thơ là người phải biết khảo cứu xưa để xem xét nay, ghi những sự việc rồi theo dõi dấu tích phát triển của những sự việc ấy. Về tinh thần của việc thu lượm thì không có tác gia nào giống hệt nhau nhưng đại khái thì không ngoài tình, cảnh, việc. Ba cái chủ yếu ấy cần phải lấy ôn hòa, mềm mại, đôn hậu làm gốc. Còn như thể chế, âm tiết, cách điệu cũng là điều cần thiết sẽ phải bàn luận sau. Tình là con người, cảnh là thiên nhiên, việc là phối hợp giữa vẻ đẹp thiên nhiên với con người.

Lấy tình kết hợp với cảnh, lấy cảnh kết hợp với việc, mỗi khi gặp sự vật gì mà phát ra lời nói nhân có lời nói mà thành âm thanh...” (Lê Quý Đôn, 2009, tr.245). Qua lời bàn đó có thể thấy theo ông, thơ văn là sự kết hợp giữa tài năng thiên bẩm với quá trình học tập, rèn luyện và tu dưỡng, là sự kết hợp giữa tình cảm, cảm xúc của nhà thơ với những hiện tượng, sự vật khách quan của cuộc sống xung quanh. Tình cảm chân thật bắt nguồn từ thực tế đời sống được ghi lại bằng ngôn ngữ của thi ca chính là yếu tố làm nên giá trị cho tác phẩm văn chương. Trong mục “Sĩ quy” ông cũng khẳng định: “Đấng thánh nhân lập ngôn vốn không cao xa gì nhưng đem ứng dụng vào đời thì mới thấy tinh vi, sâu sắc” (Lê Quý Đôn, 2009, tr.12), hay như trong lời tựa *Kiến văn tiểu lục* ông cũng viết: “Tôi đi đến đâu cũng để ý, tìm tòi, phàm việc gì mắt thấy, tai nghe cũng đều dùng bút ghi chép lại” (Lê Quý Đôn, 2007, tr.10).

Như vậy, các sáng tác của Lê Quý Đôn luôn khẳng định vai trò của thực tiễn cuộc sống đối với văn học và chính hiện thực xã hội nhiều biến động đã cung cấp cho ông tư liệu đáng quý để phục vụ cho những sáng tác sau này.

3.2.3. Quê hương và gia đình

Diên Hà thuộc trấn Sơn Nam, nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vốn là miền quê nằm giữa vùng sông nước, không bị ràng buộc bởi những lũy tre khép kín. Dòng sông Hồng kề bên là mối giao thông quan trọng, ngược bắc thì qua phố Hiến rồi lên kinh kỳ Thăng Long, xuôi nam thì ra biển rồi vào Thanh - Nghệ, hoặc ra cửa Vân Đồn, Hải Ninh, sang Trung Hoa... Bến Phú Hậu xưa thu hút rất đông khách buôn. Nhiều khách buôn Trung Quốc đã mang thuyền về đây chở lúa gạo đi các nơi. Phan Huy Chú cho rằng, vùng đất này là nơi “tụ khí anh hoa, thực là cái bình phong che chắn của trung đô”, “những người học giỏi, những bậc tôi hiền đều đứng đầu cả xứ miền dưới” (Phan Huy Chú, 2014, tr.266).

Sinh thời, Lê Quý Đôn hai lần sống ở vùng quê Diên Hà. Lần thứ nhất (1731-1739) là khi ông mới 6 tuổi đến khi 14 tuổi. Đối với ông khoảng thời gian này có ý nghĩa rất quan trọng, nó hằn in vào tâm khảm những ký ức tuổi thơ và góp phần tạo nên nhân cách. Lê Quý Đôn được sống ở một vùng quê trù phú, trong một gia đình thi thư là hết sức bổ ích. Không gian bao la và phong cảnh sông nước quê hương, những hình ảnh dân quê... là nguồn nuôi dưỡng tinh thần và tình cảm hết sức quý giá và góp phần hình thành nhân cách văn hóa của ông. Chắc rằng chính thời gian và cuộc sống nông thôn này đã góp phần làm nên phong cách dân gian, khoáng đạt của Lê Quý Đôn. Phong cách này có sự kết hợp giữa việc tích hợp được các tri thức văn hóa dân gian, cùng những pho sách dày của bách gia chư tử tạo nên nhà bác học Lê Quý Đôn.

Lần thứ hai Lê Quý Đôn về sống ở quê nhà (1767-1769) là khi ông đã thành đạt và bôn ba nhiều nơi, đã va vấp trường đời, ông từ chức quan Tham chính xứ Hải Dương và xin về quê. Lúc này, ông đã có đầy đủ bản lĩnh và tri thức để nhìn nhận, đánh giá cuộc sống, hiểu sâu nhân tình thế thái, hiểu rõ các sự vật, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống, lịch sử. Ở quê lần này, ông vừa tiếp nhận các thông tin cuộc sống từ các vùng quê, vừa chiêm nghiệm lại những gì đã từng trải... để từ đó suy tầm và viết sách. So với các sách viết thời kỳ mới đỗ đạt, các sách ông viết trong khoảng thời gian này đa dạng hơn, sâu sắc và giàu tri thức thực tiễn hơn.

Trong gia đình, Lê Quý Đôn là con trưởng của Tiến sĩ Lê Phú Thứ, cháu ngoại Hoàng phái hầu Trương Minh Lượng. Từ khi còn thơ ấu ở kinh thành Thăng Long, ông đã được nghe những bài hát ru mượt mà của người mẹ. Ông ngoại Lê Quý Đôn làm quan to trong triều, tính tình phóng khoáng đã sớm dạy cậu bé Đôn biết đọc chữ “hữu” chữ “vô” khi cậu mới vừa hai, ba tuổi. Đỗ tiến sĩ được ít lâu, Lê Phú Thứ được bổ dụng làm quan tại Hàn lâm viện. Vốn quen lối sống giản dị, thanh đạm chốn quê nhà, lại thêm tính tình bộc trực, thẳng thắn nên ông khó hòa nhập với cuộc sống nơi cung vua,

phủ chúa với những chuyện tranh ngôi, đoạt vị, xâu xé nhau về quyền lợi, bổng lộc. Ở Hàn lâm viện chưa được một năm thì ông bị đẩy ra làm Giám sát ngự sử ở Hải Dương. Sau đó, vì chuyện ông dâng sớ vạch tội đám tham quan trong triều mà Lê Phú Thứ bị bãi chức, đuổi về quê.

Về quê hương Diên Hà, sống cuộc sống thanh đạm của gia đình và khoảng trời mệnh mông của sông nước làng quê, được tận mắt chứng kiến cuộc sống lam lũ của những người dân nơi đây, Lê Quý Đôn đã đi từ ngõ ngàng này đến ngõ ngàng khác. Không thỏa mãn với những chữ nghĩa sách vở mà cha cậu đã dạy, đến mỗi chữ cụ thể, cậu thường hỏi lại cha về nghĩa lý đến tận cùng. Thấy những biểu hiện khác thường của con, Lê Phú Thứ càng chú tâm rèn giũa. 6 tuổi, Lê Quý Đôn đã có thể làm thơ, đối đáp trôi chảy nhiều vấn đề trong kinh sách. Cũng vì vậy mà cụ Trúc Am thường thử sức con. Năm Lê Quý Đôn khoảng 8, 9 tuổi, trong một lần dạy học *Luận ngữ*, đến đoạn Khổng Tử trả lời Tử Cống về kẻ sĩ: “Tu sửa bản thân thì biết xấu hổ, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua, có thể gọi là bậc sĩ...”, liền hỏi: Con có thể làm được việc đó chăng? Lê Quý Đôn thưa: Biết liêm sỉ thì khó thay! Còn đi sứ làm về vang cho nước nhà, làm long trọng mệnh vua thì có khó gì! Lê Phú Thứ khen: Con trai rất có hào khí rồi dặn thêm: Ý khí cố nhiên phải hào mại, phẩm cách không tà dâm, không khuất phục, không thay đổi, nhưng phải mềm dẻo, nho nhã, không thể cứng nhắc thô suất được” (Lê Quý Đôn, 2019, tr.19). Điều Lê Phú Thứ đặt ra, trong quan niệm thông thường là quá khó đối với một trẻ nhỏ 8, 9 tuổi, nhưng với Lê Quý Đôn thì không, ông dám chấp nhận yêu cầu cao ngay từ thuở còn nhỏ và coi đó là phương châm sống để phấn đấu suốt đời. Ở Lê Quý Đôn, trí tuệ và chí khí luôn đi thời đại và đã phát lộ ngay từ thuở ấu thơ. Tiến sĩ Chu Nguyên Lâm - một người bạn của cụ Trúc Am, từng dự đoán từ lúc Lê Quý Đôn mới 6 tuổi: “Dự chương củng bảo, trường tủng thiên tâm, đại bằng sinh số, trực đoàn cửu vạn. Kì tiền bất khả lượng dã (cây dự chương chỉ một ôm sẽ lớn cao nghìn tầm, chim bằng mới sinh sẽ bay lên chín vạn dặm. Bước tiến của thăng bé này không thể lường được đâu)” (Lê Quý Đôn, 2019, tr.18). Quả nhiên, như linh cảm của cha và lời dự đoán của bậc danh sĩ lúc bấy giờ, sau này Lê Quý Đôn đã trở thành một đại danh nho, học giả lỗi lạc, nhà trước thuật vĩ đại và nhà ngoại giao xuất chúng.

Từ nền tảng quê hương và gia đình đã hun đúc lên một Lê Quý Đôn mang tầm vóc thời đại và vượt lên trên thời đại của mình. Có thể nói quê hương và gia đình là nơi đặt nền móng cho những phát triển vững chãi của ông sau này và chính ông cũng là người làm rạng danh cho quê hương và gia đình.

3.2.4. Cuộc đời học hành, phấn đấu theo con đường học vấn và quá trình đi sứ

Lê Quý Đôn là nhà bác học có kiến thức uyên bác và đa dạng bậc nhất đương thời. Toàn bộ những tri thức ở thế kỷ XVIII đều được bao quát vào trong các tác phẩm của ông. Tác phẩm của ông như cột mốc lớn đánh dấu thành tựu văn hóa của cả một thời đại. Quá trình làm quan của Lê Quý Đôn chia ra ba chặng thì cũng có thể nhận ra ba chặng sáng tác đi cùng, gắn liền với suy nghĩ và diễn biến tư tưởng của ông.

Từ năm 1764 trở về trước, Lê Quý Đôn là một thanh niên nhiệt tình, say sưa với lý tưởng, hoài bão của mình. Ông hăng hái đi tìm những lời giải về lý luận cho một hướng đi mới, cho những đường lối chính trị khả dĩ với mong muốn đưa xã hội ra khỏi tình trạng khủng hoảng đương thời. Trạng thái tư tưởng đó được phản ánh khá rõ trong những sáng tác được hoàn thành từ ngày Lê Quý Đôn còn là cậu Cử vừa đậu trường thi Hương, cho đến khi kết thúc cuộc đi sứ nhà Thanh. Trong thời gian này, ông đã viết *Đại Việt thông sử*, *Quốc sử tục biên*, *Thánh mô hiền phạm lục*, *Bắc sử thông lục*, *Văn bia khoa Quý Mùi*... Đây là giai đoạn sáng tác đặc chí nhất của Lê Quý Đôn. Với tinh thần tự tin, chủ động, Lê Quý Đôn đã vượt lên quy tắc “thuật nhi bất tác” để suy nghĩ, chất vấn, phê phán và đề xướng. Ông chủ yếu đi vào hai lĩnh vực: đọc lại kinh điển Nho gia và tìm hiểu lịch sử Trung Quốc, lịch sử Việt Nam. Giai đoạn này, Lê Quý Đôn viết nhiều, nhanh và đã mau chóng khẳng định được phong cách trên hai phương diện: nghiên cứu và sáng tác.

Có lẽ, trong lịch sử Nho học Việt Nam, Lê Quý Đôn là người hiếm hoi dám thẳng thắn đặt vấn đề “xét lại” cổ nhân, nêu một tấm gương về tinh thần hoài nghi, tranh luận khoa học. Ông là người dám lật lại những vấn đề đã được công nhận, chủ động đặt mục tiêu cho mình là “khảo” và “biện”. Tân Triều Vu - viên ngoại lang bộ lễ nhà Thanh - sau khi đọc *Quản thư khảo biện* đã nhận định Lê Quý Đôn đã đi vào một lĩnh vực mà các nhà Nho Trung Quốc bỏ trống từ lâu: “Các nhà nho từ Tần, Hán về sau có bàn luận, đánh giá về sử nhưng từ Tống, Nguyên trở xuống thì chẳng thấy còn ai. Tệ hơn, có những người buộc sách lại không xem, chỉ bàn bạc không căn cứ hoặc có người chỉ trau chuốt câu chữ, gọt giũa văn từ mà thôi. Sử học không được nghiên cứu đã từ lâu rồi” (Lê Quý Đôn, 1995, tr.54). Lê Quý Đôn cũng nêu lên một phương châm về đọc sách: “Những việc chính sử ghi chép dù hoàn hảo đến mấy cũng không thể hoàn toàn tin theo được, theo ông kẻ đọc sách có thể chỉ căn cứ vào văn mà không xét đến sự thực được chăng?” (Lê Quý Đôn, 1995, tr.68). Nói vậy, không có nghĩa ông coi thường, phủ nhận thư tịch cổ, trái lại ông rất trân trọng những tư liệu sách vở Đông Tây cổ kim. Mỗi lúc, có điều kiện hoặc thu thập được tài liệu gì ông đều cố gắng ghi lại để giữ gìn, không kể đó là công văn hành chính hay tác phẩm nghệ thuật. *Đại Việt thông sử* và *Bắc sử thông lục* phản ánh rất rõ tác phong đó. Ông cũng luôn nhắc nhở người làm khoa học phải thẩm định tài liệu trước khi sử dụng, phải suy nghĩ sáng tạo và luôn tìm tòi những kiến giải mới, những cách diễn đạt mới. Đây cũng là tôn chỉ mà ông cả đời theo đuổi trong các sáng tác.

Chặng đường thứ hai từ năm 1765 đến mùa thu 1767, sau hơn mười năm làm quan Lê Quý Đôn phần nào thấy được sự bất lực của vương triều, lòng đố kỵ của một số đồng僚 trước thực trạng đất nước. Thấy bất bình và chán nản ông dâng khải tự kể mười tội của bản thân để xin về nghỉ, nhưng thực chất đó là những lời trách móc sự phũ phàng với chúa Trịnh, bộc lộ nỗi chán nản của bản thân. Trịnh Giang không phải không biết điều này, nhưng vẫn đồng ý cho ông về nghỉ. Trong gần ba năm ở quê nhà Lê Quý Đôn đóng cửa viết sách, dạy học, lấy sách vở, sông núi làm vui. Những tác phẩm như: *Toàn Việt thi lục*, *Thái ắt giản dị lục*, *Hoàng Việt văn hải*, *Địa học tinh thông*, *Kim giám lục chú giải*... được ra đời. Giai đoạn này, với việc đóng cửa viết sách, dạy học ông đã đào tạo cho dân tộc một thế hệ học trò, trong đó nhiều người sau này có nhiều đóng góp như Bùi Huy Bích... Song điều đáng kể hơn là những đóng góp cho văn hóa nước nhà, ông đã để lại cho đời sau bộ *Toàn Việt thi lục* - bộ sưu tập thơ quý giá của văn học nước nhà. Biên soạn *Toàn Việt thi lục*, ông đã kế thừa thành tựu của các học giả hai thế kỷ trước như Phan Phu Tiên, Hoàng Đức Lương, Dương Đức Nhan, cùng với việc tham khảo cách phân loại của Toàn Đường thi, tiêu chuẩn chọn thơ của Lã Đông Lai, cách giới thiệu tác giả của Toàn Đường thi tập và Tống Nguyên thi hội. Nhờ vậy, ông đã khắc phục được cách tuyển chọn có phần “khe khắt”: “Thơ là sắc đẹp ngoài mọi màu sắc, vị ngon ngoài mọi mùi vị” của Hoàng Đức Lương, bổ sung những tác phẩm không phải thơ luật mà Dương Đức Nhan bỏ qua. Chấp nhận thơ của nữ giới. Với *Toàn Việt thi lục*, Lê Quý Đôn chứng minh tinh thần thận trọng, khoa học trong công việc sưu tập. Với bộ sách này, chẳng những Lê Quý Đôn giữ gìn được cho dân tộc những tác phẩm nghệ thuật đã bị tán lạc, mà ông còn để lại cho giới khoa học một tập tư liệu quý, có hệ thống và bảo đảm tính chân xác. Hơn thế, qua tập sách này, giới nghiên cứu ngày nay có thể rút ra được những kinh nghiệm quý báu về phương pháp biên soạn, sưu tập, những ý kiến sắc sảo về thơ và việc bình thơ...

Từ mùa thu 1767 về sau, sau gần ba năm từ quan, Lê Quý Đôn được khởi phục. Từ đó, ông lại được tín nhiệm và sống những ngày thỏa chí. Với trách nhiệm chủ chốt ở Quốc Tử Giám, Lê Quý Đôn viết các loại kinh sách như: *Thư kinh diễn nghĩa* và có thể là cả *Lễ thuyết*, *Thi thuyết*, *Dịch kinh phụ thuyết*... Bên cạnh đó, ông tiếp tục có những ghi chép kịp thời như *Phủ biên tạp lục* và những tác phẩm quan trọng có tính chất tổng kết như: *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*. Vào thời gian này, Lê Quý Đôn với những kiến thức tích lũy được qua sách vở, kinh nghiệm thực tế đã đi vào những vấn đề có tính chất toàn diện và sâu sắc.

Với Lê Quý Đôn (một chính khách ngoại giao xuất sắc), như một nghịch lý, hơn 30 năm làm quan và trước tác, trong đó có cả thơ, nhưng thành tựu thơ chỉ nở rộ tập trung trong thời gian đi sứ sang nhà Thanh (1759-1762). Khoảng thời gian ngắn đó, Lê Quý Đôn như được giải phóng khỏi những trói buộc của lễ nghi, quan hệ tế toái và công việc cụ thể lớn nhỏ trong triều, ngoài trấn để cảm hứng thơ văn bùng phát và ngòi bút thơ được tung hoành. Đối với kẻ sĩ xưa “chí ở bốn biển”, đi sứ là một sự kiện tốt đẹp, vinh quang, phú quý “cưỡi ngựa béo, mặc áo cừu nhẹ”, nhưng cũng là nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi người thực hiện phải có tài trí và dũng khí. Người xưa chọn quan đi sứ, về văn học cần học rộng hiểu nhiều, về từ mệnh cần khéo léo, chuẩn mực, sau đó không thể không chọn những người có khí chất tốt. Đại khái thế vị trong ngoài cao thấp có khác nhau, nhưng nếu mới thấy gió mà đã run, tự cho mình ở chốn xa xôi mà ngại giao thiệp, ít chuyện trò thì ắt sẽ bị người ta khinh bỉ, coi là di quan, di sứ. Lê Quý Đôn hiểu rõ đó là những sứ mệnh Hoàng hoa phải có.

Trong lần đi sứ này, Lê Quý Đôn đã được tiếp xúc với cảnh vật và con người phương Bắc, cũng như được gặp gỡ với sứ thần từ các nước sang triều cống cho Trung Hoa. Ông cũng được tiếp cận với hệ thống thi thư đồ sộ của Trung Quốc một cách trực tiếp, những kiến thức từ phương Tây đã được người Trung Hoa dịch ra tiếng Hán. Chính vì vậy, đi sứ lần này vừa là nhiệm vụ về vang mà gian nan của Lê Quý Đôn, nhưng cũng là cơ hội lớn để ông có thể mở mang và làm giàu thêm vốn hiểu biết vốn đã rất phong phú của mình.

Có thể thấy ông đã đi nhiều nơi trên đất nước Trung Hoa rộng lớn, gặp gỡ với nhiều danh sĩ. Chính những cuộc gặp gỡ và bút đàm này cùng với những điều quan sát được, đọc được tác động sâu sắc đến quan niệm văn học của ông. Khi đoàn sứ của Đại Việt sang nhà Thanh, Tra Lễ (tên hiệu là Kiệm Đường) đang làm tri phủ Thái Bình. Theo sự tìm hiểu của Lê Quý Đôn thì Thái thú họ Tra đã hơn 50 tuổi, học vấn rộng, đặc biệt là thi từ thanh nhã, thích ngâm vịnh. Với tư cách là “chủ đất” nơi đầu tiên sứ đoàn nhà Lê đến Trung Hoa, Kiệm Đường được sai đón tiếp rồi tổ chức đưa lên Yên Kinh. Lê Quý Đôn ngày đầu tiên đến Trung Hoa nhận thơ Kiệm Đường gửi, ông đã phải bắt đầu ngay nhiệm vụ “chuyên đối”. Kiệm Đường so với Lê Quý Đôn có nhiều lợi thế hơn vì vừa là người của “thượng quốc”, lại vừa có bề dày về kiến thức văn hóa và cả kinh nghiệm chính trường, nhưng quả thật Lê Quý Đôn không “sợ gió”. Mỗi bài của Tra Kiệm Đường gửi, Lê Quý Đôn đều có thơ hồi đáp ngay và dù mềm mỏng ông cũng vẫn “đáp trả” từng điểm một. Ngoài những chuyện xã giao thời tiết, phong cảnh, khen chính lệnh của quan Thái thú, khen triều đình, ông tập trung nhấn mạnh: xưa nay sự giao hảo vẫn đang thắng can qua, các nước đều có địa vực của mình chiếu ứng với phạm dã các sao trên trời, dù là chung nguồn Nho học, nhưng vẫn có sự phát triển riêng.

Đến Yên Kinh, sứ đoàn Đại Việt đã gặp gỡ sứ đoàn Triều Tiên trong buổi tiệc mời khách tại Hồng Lô tự môn của sứ đoàn ấy. Giới thiệu xong và trò chuyện chốc lát, hai bên đã có tình cảm. Sau buổi tiệc, chánh sứ Triều Tiên, Trạng nguyên Hồng Khải Hy cho người mang tặng sứ đoàn Đại Việt sản vật của Cao Ly là quạt giấy và thuốc. Lê Quý Đôn gửi thơ cảm tạ, lại tin cậy đưa hai bộ sách ông biên soạn là *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiển phạm lục* nhờ đọc để viết lời Tựa. Sau đó Lê Quý Đôn lại gửi tặng hai bài thơ, ông nhận lại được thơ đáp. Chỉ chưa đầy hai tháng, Lê Quý Đôn tặng các sứ giả Triều Tiên ba bài thơ, ông nhận lại được bốn bài đáp và đặc biệt nhận được cả hai bài Tựa cho hai bộ sách kèm thư trả lời. Hồng Khải Hy đánh giá rất cao hai bộ sách của Lê Quý Đôn, về *Quần thư khảo biện* có đoạn viết: “Bộ sách đã khảo cứu và bàn luận về sử sách các đời giống như Chí lâm của Pha Ông, sách Hướng ngôn của Mông Tẩu, trên dưới mấy ngàn năm lịch sử, cái này được, cái kia mất, ai giỏi, ai kém, như thế này thì yên, như thế kia thì nguy, không chỗ nào là ông không xem xét suy tính đến. Có chỗ ông lật ngược lại những án định cũ, có chỗ ông vạch ra những lời bàn sai lầm đã qua nhiều đời. Kiến thức tinh tế, lí giải diệu kì của ông nổi bật trên các hàng chữ. Đoạn bình luận về các học thuyết của họ Chu, họ Lục mà ông nêu rõ ở cuối sách

càng cho ta thấy học thuật của ông thuần chính, lời văn của ông nhẹ nhàng thuận lẽ như gió lướt trên mặt nước, không chút sâu cay gò bó gì cả. Thực chỉ ném một miếng cũng đủ thấy vị ngon của cả nồi rồi” (Lê Quý Đôn, 1995, tr.57).

Lời bàn của Hồng Khải Hy vô tư, thẳng thắn và không kiêng dè, ông còn khoáy ý nhắc lại một câu của Tính lí đại toàn để khen Lê Quý Đôn: “Cái học của người phương Nam là chất lọc lấy những tinh hoa..., có lẽ ông đã gần đạt đến bậc ấy rồi chăng?” (Lê Quý Đôn, 1995, tr.58).

Còn với Lý Huy Trung thì: “Bác gửi cho tập sách quý, kính cẩn nâng đọc, cảm thấy như khúc nhạc thái hư, càng dạo càng hay, khiến người nghe không biết chán”... (Lê Quý Đôn, 1995, tr.60).

Sau quá trình đi sứ này ông đã viết *Bắc sử thông lục*, trong đó bên cạnh giá trị lịch sử và văn hóa thì giá trị văn học là không thể phủ nhận. Sau này, những sáng tác của ông trong quá trình đi sứ đã được tập hợp lại trong *Quế Đường thi tập* với những bài thơ vịnh cảnh và thơ xướng họa với sứ thần các nước vô cùng giá trị.

Như vậy có thể thấy, chuyến đi sứ lần này đã mang đến cho ông không chỉ là sự mở mang trong hiểu biết mà còn là cả những tình bạn đẹp - điều quý hiếm trong lịch sử bang giao. Bên cạnh đó, chuyến đi này cũng để lại những dấu ấn nhất định trong tư tưởng của ông khi ông được tiếp xúc với nền học vấn uyên bác của đất nước Trung Hoa rộng lớn, bước đầu tiếp cận với những kiến thức “Tây học” được dịch lại qua hệ thống sách vở Trung Quốc. Tất cả hòa quyện và làm phong phú thêm vốn hiểu biết đã rất rộng và sâu sắc của ông.

4. Kết luận

Quan niệm về văn học của Lê Quý Đôn có thể coi là tiên bộ và rõ rệt nhất lúc đó. Hình thành nên quan niệm về văn học tiên bộ này là bởi ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống thi thư nơi miền quê văn hiến, trưởng thành trong một môi trường văn hóa và văn học chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng và học thuật Trung Hoa, cùng với cuộc đời nhiều thăng trầm. Bên cạnh đó, chặng đường làm quan nhiều lần thay đổi vị trí, quá trình đi sứ đã cho ông cơ hội tiếp xúc trực tiếp với cuộc sống của người dân (cả ở Việt Nam và Trung Hoa), cùng với những sách vở tiên bộ lúc đó kết hợp với bộ óc thiên tài đã tạo bản lĩnh khoa học rộng mở và có những bước nhảy vọt đáng kể.

Như vậy, có thể thấy tư tưởng văn học của Lê Quý Đôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, từ chủ quan đến khách quan. Tất cả hội tụ, nuôi dưỡng và tạo nên ở Lê Quý Đôn một nhà bác học lớn của thời trung đại, một bộ óc ưu mẫn và một cuốn “bách khoa thư” đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Trẻ, Hà Nội.
2. Lê Quý Đôn (1995), *Quần thư khảo biện*, Trần Văn Quyền dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm dịch, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Lê Quý Đôn (2009), *Vân đài loại ngữ*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Lê Quý Đôn (2019), *Quế Đường thi tập*, Trần Thị Băng Thanh khảo đính và dịch, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
6. Đinh Thị Minh Hằng (1994), “Lê Quý Đôn trên tiền trình ý thức văn học dân tộc”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5.
7. Ty Văn hóa - Thông tin Thái Bình (1976), Kỷ yếu hội nghị “Những cống hiến của Lê Quý Đôn (Nhân kỷ niệm 250 năm ngày sinh Lê Quý Đôn)”, Thái Bình.
8. Lã Nhâm Thìn, Vũ Thanh (đồng chủ biên) (2015), *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, t.2, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.